TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/DS-PT
Ngày: 21/4/2023
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 392/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2022/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 481/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lý Văn B, sinh năm 1970; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.2. Bà Lý Thị M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp Phụng Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Lý Thị P, sinh năm 1954;

1.4. Bà Lý Thị M1, sinh năm 1957;

1.5. Ông Lý Văn H, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

1.6. Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.7. Bà Lý Thị N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà M, bà P, bà M1, ông H, bà Đ, bà N cùng ủy quyền cho ông Lý Văn B tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1960; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. *(có mặt)*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lý Thị Kim T, sinh năm 1985; *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

3.2. Ông Lý Thanh P, sinh năm 1987; *(có mặt)*

3.3. Bà Lý Thị Thùy L, sinh năm 1990; *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

* ***Người kháng cáo*:** Ông Lý Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

****** *Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, ông Lý Văn B trình bày:*

Ông Lý Văn V là chủ sử dụng thửa đất số 969, 970, tờ bản đồ số 03, tọa lạc xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/8/1990.

Theo bản đồ chính quy, các thửa đất số 969, 970 đổi thành thửa đất số 329, 320, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L. Ngày 22/02/2017, thửa đất số 329, 320 hợp thành thửa 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre có diện tích 1.727,9m^2.

Ông Lý Văn V chết năm 1991, không có để lại di chúc. Ông V có vợ là bà Cao Thị N và 08 người con gồm: Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Văn T, Lý Thị Đ, Lý Thị N, Lý Văn B và Lý Văn H. Cha mẹ ông V, bà N đều đã chết, ông V, bà N không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Lúc còn sống, ông V, bà N và ông H (con trai út) cùng sinh sống trên phần đất này. Sau khi ông V chết, còn lại ông H và bà N, đến năm 2006 các anh, chị em thống nhất để ông Lý Văn T về sống chung với bà N, còn ông H về sống tại quê vợ ở Vĩnh Long. Tuy nhiên, ông H vẫn được canh tác một phần đất phía sau có diện tích theo đo đạc thực tế hiện nay là 730,4m^2, thuộc một phần thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre, còn ông T canh tác phần đất phía trước có diện tích 997,5m^2. Sau đó, ông H không canh tác nữa mà giao cho ông Lý Văn B tiếp tục canh tác. Đến năm 2021 thì giữa ông B và ông T xảy ra mâu thuẫn, ông T cho rằng thửa đất số 559 là thuộc quyền sử dụng của ông, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T nên đuổi ông B đi.

Các nguyên đơn cho rằng, từ sau khi ông V, bà N chết (năm 2007) đến nay, các anh chị em vẫn chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế do ông V để lại nhưng không hiểu vì sao ông T lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xảy ra tranh chấp, các nguyên đơn mới biết ông Lý Văn T làm giả "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" để được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 26/12/2006 đối với các thửa đất số 969, 970, nay là thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Các nguyên đơn đều xác định không có ký tên cũng như không có việc các anh chị em thống nhất làm "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" để cho ông Lý Văn T được hưởng di sản thừa kế của ông Lý Văn V để lại.

Vì vậy, nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" là vô hiệu do có sự giả tạo; đồng thời yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông V để lại là phần đất có diện tích 1.727,9m^2 thuộc thửa 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L thành 08 phần bằng nhau, mỗi người nhận 01 phần.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản do ông V để lại nhưng chỉ yêu cầu được nhận phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 730,4m^2 (thửa 559 tách), đồng thời thống nhất để cho ông Lý Văn B được đại diện đứng tên quyền sử dụng; phần còn lại của thửa 559 có diện tích là 997,5m^2 để cho ông T nhận. Các nguyên đơn không yêu cầu ông T phải hoàn lại giá trị chênh lệch.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lý Văn T trình bày:

Ông Lý Văn V và bà Cao Thị N có 08 người con gồm: Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Văn T, Lý Thị Đ, Lý Thị N, Lý Văn B và Lý Văn H

Thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L có nguồn gốc là của ông V, bà N. Ông V chết năm 1991, sau khi ông V chết thì bà N ở chung với Lý Văn H nhưng sau đó Lý Văn H không ở nữa mà về sống bên quê vợ ở Vĩnh Long. Do không có ai ở chung với bà N, vì vậy các anh chị em mới họp bàn thống nhất để ông về ở chung với bà N.

Ngày 16/11/2006, bà N và tất cả các anh chị em thống nhất làm "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" để lại toàn bộ phần di sản của ông V là thửa đất số 969, 970 cho ông được thừa hưởng. Đến ngày 26/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và vợ là bà Hồ Thị Chính đứng tên quyền sử dụng. Sau đó VLAP tiến hành đo đạc, theo bản đồ chính quy, các thửa đất số 969, 970 đổi thành thửa đất số 329, 320 tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L. Ngày 22/02/2017, thửa đất số 329, 320 hợp thành thửa 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre

có diện tích 1.727,9m^2. Năm 2019, ông và bà Chính ly hôn, hai bên tự thỏa thuận chia tài sản, ông được trọn quyền sử dụng thửa đất số 559. Ngày 14/09/2020, ông được Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 559.

Đối với việc ông Lý Văn H sử dụng phần đất phía sau (730,4m^2) là do vào năm 2008, ông thấy Lý Văn H sống bên quê vợ, kinh tế khó khăn nên ông có cho ông H được hưởng hoa lợi trên đất là nhãn da bò đang cho trái. Sau khi hưởng một thời gian thì ông thấy ông B vào canh tác, ông có nói với ông B phần đất này là của ông, đến năm 2020 thì ông không cho ông B canh tác nữa nên lấy lại vì phần đất này là thuộc quyền sử dụng của ông.

Nay ông T xác định thửa đất số 559 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, không còn là di sản thừa kế nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lý Thanh Phong trình bày*:

Anh là con ông Lý Văn T và hiện đang sống chung với ông T trên thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. Anh xác định thửa đất này là thuộc quyền sử dụng của riêng ông T, anh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2022/DS-ST ngày 06/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý Văn B, Lý Văn H, bà Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ, Lý Thị N đối với bị đơn ông Lý Văn T về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Cụ thể tuyên:

1. Tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 16 tháng 11 năm 2006 là vô hiệu.

2. Ông Lý Văn B, Lý Văn H, bà Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ, Lý Thị N được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và trọn quyền sở hữu cây trồng trên đất gồm Mít loại 2: 41 cây, Cacao loại 3: 04 cây, Nhãn Ido loại 3: 04 cây.

Phần đất 730,4m (thửa 559 tách) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 319;
- Nam giáp thửa 559 còn lại và đường xã, đường liên xã;
- Đông giáp thửa 321;
- Tây giáp thửa 330.

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Lý Văn B được đại diện đứng tên đăng ký kê khai và đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre nêu trên theo quy định.

3. Buộc ông Lý Văn T, anh Lý Thanh Phong, chị Lý Thị Kim Tuyến, Lý Thị Thùy Linh phải có nghĩa vụ bứng, di dời các cây trồng gồm Nhãn da bò loại 2: 01 cây; Chôm chôm: 01 cây; Cây sung loại 1: 01 cây; Nguyệt quế loại 1: 01 cây; Bông trang loại 4: 03 cây; Mai loại 3: 10 cây ra khỏi phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để trả lại quyền sử dụng cho các nguyên đơn.

4. Ông Lý Văn T được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 997,5m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở) thuộc thửa 559 còn lại, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Phần đất (thửa 559 còn lại) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 559 tách;
- Nam giáp đường xã, đường liên xã;

Đông giáp thửa 321;

- Tây giáp thửa 559 tách.

(Có họa đồ kèm theo).

5. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX570383, số vào sổ cấp GCN: CS06439 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/09/2020 cho ông Lý Văn T đối với thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn (do ông Lý Văn B đại diện đứng tên quyền sử dụng) và cho ông Lý Văn T đối với phần đất được hưởng nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/10/2022, bị đơn ông Lý Văn T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 229/2022/DS-ST ngày 06/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lý Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Theo đơn kháng cáo, ông Lý Văn T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, do cấp sơ thẩm chưa làm rõ căn nhà trên phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là tài sản chung của vợ chồng ông T chưa thỏa thuận phân chia khi ly hôn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước đến nay ông T đã thế chấp cho Ngân hàng

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia là có vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác, ông Lý Văn B trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Thanh Phong trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện Đ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của các nguyên đơn còn lại để xác định toàn bộ "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" vô hiệu là chưa đủ căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ nội dung này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của ông Lý Văn T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ V để lại là phần đất có diện tích 1.727,9m^2 thuộc thửa 969, 970, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 559, tờ bản đồ số 10), tọa lạc tại xã P, huyện L. Sau đó, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu được nhận phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 730,4m^2 (thửa 559 tách), phần còn lại của thửa 559 có diện tích là 997,5m^2 để cho ông T nhận và không yêu cầu ông T phải hoàn lại giá trị chênh lệch. Bị đơn không đồng ý vì ông cho rằng các anh chị em ông đã thống nhất lập "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" để lại toàn bộ phần di sản của ông V là thửa đất số 969, 970, tờ bản đồ số 3 cho ông được thừa hưởng, không còn là di sản thừa kế.

[2] Xét thấy, căn cứ Kết luận giám định số 413/2022/KL-KTHS ngày 07/09/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký dưới mục "Người từ chối nhận di sản" (bên phải chữ "Lý Văn B") trên "Văn bản phân chia tài sản thừa kế", đề chứng thực ngày 16 tháng 11 năm 2006 (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ ký mang tên Lý Văn B trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M3) nêu tại mục II.2 không phải do cùng một người ký ra. Các nguyên đơn còn lại gồm Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ, Lý Thị N, Lý Văn B và Lý Văn H mặc dù không thực hiện được việc giám định chữ ký của những người này nhưng họ đều xác nhận không có làm và ký tên vào "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" ngày 16/11/2006 để cho ông T được hưởng phần đất thuộc thửa 559. Đồng thời, theo Văn

bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006 ghi bà Lý Thị P sinh năm 1950, Lý Thị M sinh năm 1952, Lý Thị M1 sinh năm 1954, Lý Thị Đ sinh năm 1956 là không chính xác, bởi vì năm sinh của bà P là 1954, năm sinh của bà M là 1957, năm sinh của bà M1 là 1957, năm sinh của bà Đ là 1961 và tại phiên tòa, chính ông T cũng xác định khi ra Ủy ban nhân dân xã P chứng thực thì không có mặt cụ Cao Thị N và đầy đủ các anh chị em (là con của cụ V, cụ N). Như vậy, có đủ căn cứ xác định Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực ngày 16/11/2006 là không đảm bảo Đ quy định về trình tự, thủ tục khi chứng thực. Căn cứ theo quy định tại Điều 122, 127, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" là vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" vô hiệu là có căn cứ.

[3] Các đương sự thống nhất cụ V chết năm 1991, hàng thừa kế của cụ V gồm vợ là cụ Cao Thị N (chết năm 2007) và 08 người con: Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị Mung, Lý Thị Đ, Lý Văn T, Lý Thị N, Lý Văn B và Lý Văn H. Cụ V, cụ N chết không để lại di chúc, còn "Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16/11/2006" thì vô hiệu nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Di sản của cụ V, cụ N để lại là phần đất có diện tích 1.727,9m^2 thuộc thửa 969, 970, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 559, tờ bản đồ số 10), tọa lạc tại xã P, huyện L. Ông T là người sống cùng với cụ N, khi cụ N mất ông T là người đứng ra lo việc mai táng cho cụ N và thờ cúng cụ V, cụ N. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia phần di sản cụ V chết để lại thành 09 kỷ phần bằng nhau, mỗi người thừa kế được nhận 01 phần, riêng ông T được nhận 02 phần. Các nguyên đơn chỉ yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách (theo Sơ đồ mô tả kết quả đo đạc), có giá trị 292.160.000 đồng là thấp hơn so với phần thừa kế các nguyên đơn được hưởng, phần còn lại của thửa 559 có diện tích là 997,5m^2 để cho ông T nhận và không yêu cầu ông T hoàn lại giá trị chênh lệch nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông T có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng nhưng không có biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế; đối với căn nhà trên đất mà bị đơn cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng bị đơn chưa thỏa thuận phân chia khi ly hôn thì Hội đồng xét xử đã xem xét chia thừa kế cho ông T được nhận phần diện tích đất có căn nhà nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà Chính (nếu có) vẫn được đảm bảo. Quan điểm của người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 229/2022/DS-ST ngày 06/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lý Văn T phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên ông T thuộc T hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý Văn T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 229/2022/DS-ST ngày 06/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122, 127, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 12, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý Văn B, Lý Văn H, bà Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ, Lý Thị N đối với bị đơn ông Lý Văn T về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Cụ thể tuyên:

1.1. Tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 16 tháng 11 năm 2006 là vô hiệu.

1.2. Ông Lý Văn B, Lý Văn H, bà Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ, Lý Thị N được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre và trọn quyền sở hữu cây trồng trên đất gồm Mít loại 2: 41 cây, Cacao loại 3: 04 cây, Nhãn Ido loại 3: 04 cây.

Phần đất 730,4m (thửa 559 tách) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 319;

- Nam giáp thửa 559 còn lại và đường xã, đường liên xã;

- Đông giáp thửa 321;

- Tây giáp thửa 330.

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Lý Văn B được đại diện đứng tên đăng ký kê khai và đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre nêu trên theo quy định.

1.3. Buộc ông Lý Văn T, anh Lý Thanh Phong, chị Lý Thị Kim Tuyến, Lý Thị Thùy Linh phải có nghĩa vụ bứng, di dời các cây trồng gồm Nhãn da bò loại 2: 01 cây; Chôm chôm: 01 cây; Cây sung loại 1: 01 cây; Nguyệt quế loại 1: 01 cây; Bông trang loại 4: 03 cây; Mai loại 3: 10 cây ra khỏi phần đất có diện tích 730,4m^2 thuộc thửa 559 tách, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để trả lại quyền sử dụng cho các nguyên đơn.

1.4. Ông Lý Văn T được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 997,5m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở) thuộc thửa 559 còn lại, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Phần đất (thửa 559 còn lại) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 559 tách;

- Nam giáp đường xã, đường liên xã;

Đông giáp thửa 321;

- Tây giáp thửa 559 tách.

(Có họa đồ kèm theo).

1.5. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX570383, số vào sổ cấp GCN: CS06439 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/09/2020 cho ông Lý Văn T đối với thửa đất số 559, tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn (do ông Lý Văn B đại diện đứng tên quyền sử dụng) và cho ông Lý Văn T đối với phần đất được hưởng nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lý Văn T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lý Văn B số tiền là 4.510.000 đồng.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lý Thị P, Lý Thị M, Lý Thị M1, Lý Thị Đ và ông Lý Văn T được miễn án phí.

- Ông Lý Văn B, Lý Văn H và bà Lý Thị N mỗi người phải nộp án phí là 2.086.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B, ông H, bà N mỗi người đã nộp là 1.600.000 đồng theo các Biên lai thu số 0001752, 0001753, 0001754 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Ông Lý Văn B, Lý Văn H và bà Lý Thị N mỗi người phải nộp tiếp số tiền án phí là 486.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre .

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Văn T được miễn nộp.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt